TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 996/2024/HC-PT
Ngày: 11/9/2024
V/v khiếu kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính về quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Gia Viễn, Kiểm sát viên.

Từ ngày 06 đến ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 560/2024/TLPT-HC ngày 24/6/2024 về việc "Khiếu kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính về quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2756/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:*

1. Ông Cổ Tấn P, sinh năm 1969

2. Bà Lưu Thị Thùy D, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: D, Khu phố E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (cùng vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông P và bà D:

1. Ông Kiều Thành T, sinh năm 1984; Địa chỉ: B, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bà Ngô Thị Tuyết M, sinh năm 1988; Địa chỉ: E Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 28/7/2023).

- *Người bị kiện:* UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Khôi N, Chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Hoàng Tuấn A - Phòng T1 (Văn bản số 11146/UBND-TCD ngày 25/7/2023, vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đình N1, sinh năm 1993

2. Bà Cổ Kim H, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: D, Khu phố E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Cổ Tấn P và bà Lưu Thị Thùy D, trình bày:

Ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, diện tích 141,8m^2, mục đích sử dụng là đất ở tại đô thị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 868463 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 07/11/2007. Năm 2020 ông P bà D cho tặng vợ chồng con gái Cổ Kim H một căn nhà liền kề căn nhà ông bà đang ở, cùng nằm trên diện tích đất bị thu hồi, diện tích nhà 60m^2 (4m x 15m).

Tháng 9/2021 ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D nhận được Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi diện tích 141,8m² đất của ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D thuộc thửa đất số 23 tờ bản đồ địa chính số 2 tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V); Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D với tổng giá tiền là: 2.016.346.000 đồng. Ngày 19/5/2022 và 20/5/2022 ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố B và Trung tâm P1 xét giao cho ông P bà D một (01) suất tái định cư hộ chính; Quy chủ và xét giao cho hộ gia đình con gái Cổ Kim H một (01) suất tái định cư hộ phụ; Xác định lại tổng diện tích nhà ở là hạng C4H1 với đơn giá bồi thường tương đương tại thời điểm hiện tại; Thẩm định lại giá bồi thường về nhà, vật kiến trúc theo đơn giá thị trường tại thời điểm hiện nay; Xét thêm khoản hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho đến khi gia đình ông P bà D nhận được quyết định giao đất ở tái định cư; Tiến hành thẩm định lại giá bồi thường về đất. Ngày 21/7/2022 Trung tâm phát triển quỹ đất có ý kiến đối với đơn đề nghị của ông P bà D nội dung: Việc ông bà đề nghị xét giao cho hộ gia đình con gái Cổ Kim H một (01) suất tái định cư hộ phụ là không có cơ sở; Trường hợp bồi thường nhà, vật kiến trúc là đúng theo quy định; Trong thời gian bàn giao mặt bằng và chờ tạo lập nơi ở mới tại nơi bố trí tái định cư, trường hợp bà D ông P nhận tái định cư, bàn giao mặt bằng sẽ được chi trả tiền thuê nhà; Trung tâm đã lập phương án bồi thường

về đất cho ông P bà D đúng quy định;

Các Quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố B được ban hành chưa đúng trình tự thủ tục, chưa giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông P bà D theo đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền lợi ích của ông P bà D, cụ thể như sau:

Trước khi nhận được các quyết định trên ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D đã nhận được các văn bản, giấy tờ sau: Giấy mời họp niêm yết lấy ý kiến phương án bồi thường ngày 3/3/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Sau khi nhận được các quyết định thu hồi, bồi thường ông P, bà D nhận được: Giấy mời họp phổ biến niêm yết Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, phương án Tái định cư ngày 11/5/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P1; Thông báo về phương án tái định cư ngày 11/6/2021 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B: xét 1 suất tái định cư hộ chính; Quyết định phê duyệt phương án tái định cư và giải quyết nơi ở ngày 19/7/2021 của UBND thành phố B ban hành; Thông báo thuộc giải tỏa trắng đã được phê duyệt phương án Tái định cư ngày 14/3/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B: Giải quyết 1 lô tái định cư; Giấy mời họp phương án tái định cư ngày 7/7/2022 của Trung tâm P1.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định về việc thu hồi đất của ông P bà D ngày 07/5/2021, nhưng đến nay ông P bà D vẫn không nhận được thông báo thu hồi đất đối với thửa đất gia đình đang sử dụng; Trong thời gian Ủy ban nhân dân thành phố B thực hiện thủ tục thu hồi đất ông P bà D không nhận được thông tin mời họp, không được tham gia cuộc họp phổ biến Thông báo thu hồi đất đến người dân trong khu vực có đất thu hồi. Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất của ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D chưa thực hiện đúng về trình tự thủ tục ban hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 69 Luật đất đai 2013.

Về việc ra Quyết định bồi thường, hỗ trợ: Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D chỉ có nội dung bồi thường, hỗ trợ chứ không có nội dung bố trí nhà hoặc đất tái định cư, thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư, là không đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013. Hiện tại, gia đình ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D chưa nhận được quyết định tái định cư cho gia đình ông P, bà D. Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D chưa thực hiện đúng về trình tự thủ tục ban hành theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013.

Về nội dung của Quyết định bồi thường, hỗ trợ: Quyết định bồi thường, hỗ trợ giá đất ở, nhà ở chưa thỏa đáng; Xác định loại nhà để bồi thường chưa đúng; không hỗ trợ tiền thuê nhà ở, không bố trí tái định cư theo quy định; cụ thể như sau: Giá bồi thường đất ở cho ông P bà D căn cứ Quyết định số 3445/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Đ (về việc phê duyệt giá đất

để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thuộc dự án xây dựng đường ven sông Đ và dự án xây dựng công viên và kè sông Đ), trong khi thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất là năm 2021, việc bồi thường giá trị tiền theo quyết bồi thường, hỗ trợ số 775/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 không theo giá đất tại thời điểm năm 2021 là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013. Mặt khác, giá bồi thường đất cho ông P bà D là quá thấp so với mức giá thị trường. Theo quyết định bồi thường, hỗ trợ giá bồi thường đất ở là 11.186.000 đồng/m^2, trong khi Giá đất trên thị trường có vị trí, mục đích gần tương tự thửa đất của ông P bà D có giá cao gấp đôi. Số tiền ông P bà D được bồi thường đất ở là 1.586.175.000 đồng không đủ để ông P bà D mua cùng một diện tích đất tương tự 141,8m^2, có cùng mục đích sử dụng là đất ở đô thị tại phường B. Giá bồi thường đất ở cho ông P bà D chưa đảm bảo quyền về tài sản, quyền lợi ích chính đáng của cá nhân quy định tại Điều 32 Hiến pháp 2013; chưa đảm bảo nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 và nguyên tắc, phương pháp định giá đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 112 Luật Đất đai 2013 ; gây thiệt hại rất nhiều cho gia đình ông P bà D.

Xác định loại nhà chưa đúng, đơn giá bồi thường không thỏa đáng: Căn cứ theo bảng chiết tính giá trị bồi thường ngày 09/11/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất, việc bồi thường nhà ở của ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D chia ra nhiều hạng khác nhau. Tuy nhiên, căn nhà của gia đình ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D xây dựng liền kề cùng thời điểm, có khung cột: Cột, tường gạch chịu lực (có cột bê tông cốt thép đỡ sảnh đón, mái hiên); tường sơn nước + ốp gạch, mái tôn có ô văng bê tông cốt thép, trần tôn lạnh, nền lát gạch ceramic. Cửa đi nhôm kính. Căn cứ (PHỤ LỤC 1-d) Ban hành kèm Quyết định số 09/2019 của UBND tỉnh Đ thì nhà của ông P bà D có đủ điều kiện để được xét nhà C4H1. Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông P bà D ban hành ngày 07/5/2021, nhưng đơn giá nhà bồi thường được tính theo Quyết định 09/2019 của UBND tỉnh Đ ban hành ngày 11/3/2019, và vật kiến trúc được tính theo giá trị quy định tại Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ ban hành ngày 15/3/2019. Giá bồi thường nhà, vật kiến trúc theo quyết định bồi thường, hỗ trợ không bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình, vật kiến trúc tại thời điểm hiện nay, đã vi phạm quy định tại Điều 89 Luật Đất đai 2013.

Chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà ở chưa được giải quyết: Tại Quyết định bồi thường, hỗ trợ không hỗ trợ, ông P bà D không được hỗ trợ tiền thuê nhà ở. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 28 Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, gia đình ông P bà D phải được hỗ trợ tiền thuê nhà ở.

Việc tái định cư: Nhà đất của ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D thuộc diện bị thu hồi giải tỏa trắng toàn bộ diện tích đất ở (141,8 m^2), bắt buộc phải di chuyển chỗ ở, và cũng không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn phường B. Trên diện tích đất bị thu hồi, ngoài ông P, bà D còn có gia đình của vợ chồng con gái Cổ Kim H và Nguyễn Đình N1 cùng 02 con nhỏ đang cùng sinh sống. Con gái Cổ Kim H và Nguyễn Đình N1 kết hôn ngày 26/10/2020 trước thời điểm thông báo thu hồi đất. Trong hộ gia đình ông P bà D có 02 cặp vợ chồng nhiều thế hệ,

cùng chung sống trên thửa đất ở số 23, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại phường B, thành phố B bị thu hồi và đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú. Căn cứ Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình riêng trong gia đình ông P bà D căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho hộ gia đình con gái Cổ Kim H và Nguyễn Đình N1 là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

Việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông P bà D không đúng trình tự thủ tục, chưa giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông P bà D theo đúng quy định, ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi ích của ông P bà D, sau khi bị thu hồi đất, gia đình ông P bà D được bồi thường số tiền 2.016.346.000 đồng (về nhà và đất) và được xem xét giải quyết 01 suất tái định cư chưa rõ diện tích được cấp.

Vì vậy, ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét giải quyết hủy toàn bộ Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất của ông (bà) Cổ Tấn P - Lưu Thị Thùy D để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) (sau đây gọi tắt là Quyết định 776); Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Cổ Tấn P - Lưu Thị Thùy D để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ (sau đây gọi tắt là Quyết định 775).

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Cổ Tấn P và bà Lưu Thị Thùy D đã thay đổi yêu cầu kháng cáo, với nội dung: Không yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 775 và 776 cùng ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, chỉ yêu cầu cấp cho bà Cổ Kim H và ông Nguyễn Đình N1 01 lô đất tái định cứ theo Văn bản số 11411/UBND-TCD ngày 12/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, trình bày:

Về hồ sơ pháp lý thực hiện dự án: Căn cứ Nghị Quyết số 178/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đ về việc quyết định chủ trương đầu tư một số Dự án nhóm B trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó có Dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) và Dự án xây dựng Kè sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V); Căn cứ Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố B; Căn cứ Quyết định số 3445/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B và dự án xây) dựng Công viên và kè sông Đ (từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

Quá trình lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Cổ Tấn P – Lưu Thị

Thùy D: Ngày 28/3/2020, UBND thành phố B ban hành Thông báo số 757/TB-UBND về việc thu hồi đất của ông Cổ Tấn P và bà Lưu Thị Thùy D để thực hiện Dự án Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 2 phường B; Trên cơ sở Thông báo thu hồi đất của hộ dân, ngày 17/6/2020 Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố P1 đã phối hợp cùng với các ban ngành để tiến hành kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (có nhà, vật kiến trúcvà cây trồng); Ngày11/9/2020, UBND phường B lập Giấy xác nhận nguồn gốc đất, nhà, vật kiến trúc số 431/GXN cho ông (bà) Cổ Tấn P và Lưu Thị Thùy D với nội dung như sau: "Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 2: đất do ông Cổ Tấn P và bà Lưu Thị Thùy D sử dụng. Thửa đất được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận số AH 868463 ngày 07/11/2007. Nguồn gốc nhà: Nhà, vật kiến trúc do ông P, bà D xây dựng từ năm 1996, năm 2005 sửa chữa, cơi nới thêm diện tích (không phép không xử phạt vi phạm hành chính). Sử dụng ổn định đến nay, không tranh chấp"; Ngày 22/9/2020, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 3445/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B và dự án xây dựng Công viên và kè sông Đ (từ cầu H đến giáp ranh huyện V). Theo đó giá đất ở tại đô thị đường V - vị trí 2 có giá cụ thể là 11.186.000 đồng/m^2; Theo kết quả kiểm đếm, nội dung xác nhận của UBND phường B, giá đất được UBND tỉnh quy định cụ thể nêu trên, giá cây trồng được UBND tỉnh quy định kèm theo Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019, các chính sách hỗ trợ được quy định tại Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 và Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 11/03/2019 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi một số Phụ lục Đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã lập Bảng chiết tính giá trị bồi thường với các giá trị bồi thường về đất là 1.586.175.000 đồng; nhà,vật kiến trúc: 407.563.000 đồng; cây trồng: 360.000 đồng; tài sản khác là 4.248.000 đồng; thưởng cho đối tượng chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật về đất đai là 12.000.000 đồng; hỗ trợ di chuyển là 6.000.000 đồng. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 2.016.346.000 đồng.

Sau khi hoàn thiện các hồ sơ nêu trên, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã tham mưu Hội đồng bồi thường, hỗ trợ dự án trình các cơ quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ của ông (bà) Cổ Tấn P và Lưu Thị Thùy D; Trên cơ sở hồ sơ do đơn vị trình kèm theo, Phòng T1 đã chủ trì cùng các ngành của thành phố để thẩm định và trình UBND thành phố B ban hành Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 07/5/2021về việc thu hồi đất của ông (bà) Cổ Tấn P và Lưu Thị Thùy D; Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Cổ Tấn P và Lưu Thị Thùy D. Tổng giá trị được tính toán bồi thường là 2.016.346.000 đồng.

Ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện: Căn cứ khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, quy định Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong các trường hợp sau: Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi bao gồm: "b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát

nước, điện lục, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải"; Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố B được UBND tỉnh Đ phê duyệt tại Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 (số thứ tự 368 trong bảng tổng hợp kèm theo Quyết định); Căn cứ Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đ quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Trên cơ sở nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 2 phường B như nêu trên, thì việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 về việc thu hồi đất của ông (bà) Cổ Tấn P và Lưu Thị Thùy D; Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Cổ Tấn P và Lưu Thị Thùy D là đảm bảo đúng đối tượng, loại đất và đúng trình tự thực hiện theo Quyết định nêu trên. Do đó, ông (bà) Cổ Tấn P - Lưu Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là không có căn cứ.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình N1 và bà Cổ Kim H, trình bày:

Ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D là cha mẹ ruột của bà Cổ Kim H. Ông Nguyễn Đình N1 và bà Cổ Kim H đã kết hôn và được UBND phường B, Thành phố B cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2020 (Kèm theo Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57).

Ngày 07/05/2021, UBND thành phố B đã ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định Bồi thường hỗ trợ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V) đối với trường hợp của cha mẹ chúng tôi là ông P bà D. Nhận thấy các quyết định thu hồi đất và bồi thường là sai trái và vi phạm pháp luật, nên cha mẹ chúng tôi đã khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy các quyết định sai trái nêu trên. Chúng tôi xin trình bày ý kiến của mình đối với vụ án khởi kiện của cha mẹ chúng tôi như sau:

Đề nghị tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện trong vụ án; Đề nghị đối thoại, phía UBND thành phố B xem xét cấp cho vợ chồng chúng tôi một nền tái định cư. Bởi vì gia đình cha mẹ chúng tôi thuộc diện bị thu hồi giải tỏa trắng toàn bộ diện tích đất ở (141,8m²) phải di chuyển chỗ ở, không có chỗ ở nào khác trong địa bàn phường B và đủ điều kiện được bố trí 01 suất tái định cư hộ chính. Chúng tôi đã kết hôn vào ngày 26/10/2020 trước thời điểm thông báo thu hồi đất rất lâu, hiện đang có 02 con nhỏ, đủ điều kiện để lập một hộ gia đình mới theo luật cư trú và hiện tại vợ chồng tôi vẫn đang sinh sống cùng với cha mẹ, gia đình chúng tôi phải được cấp 2 suất tái định cư: suất thứ nhất là của cha mẹ chúng tôi ông P bà D, suất thứ 2 là của vợ chồng tôi. Kính mong Toà án xem xét giải quyết bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình chúng tôi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, trình bày:

Theo đơn khởi kiện và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện thì người khởi

kiện đã yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 và Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định về việc thu hồi đất của ông P bà D ngày 07/5/2021, nhưng đến nay ông P bà D vẫn không nhận được thông báo thu hồi đất đối với thửa đất gia đình đang sử dụng. Trong thời gian Ủy ban nhân dân thành phố B thực hiện thủ tục thu hồi đất: ông P bà D không nhận được thông tin mời họp, không được tham gia cuộc họp phổ biến Thông báo thu hồi đất đến người dân trong khu vực có đất thu hồi. Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất của ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D là chưa thực hiện đúng về trình tự thủ tục ban hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 69 Luật đất đai 2013.

Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D không có nội dung: bố trí nhà hoặc đất tái định cư, thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư, Là không đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013. Hiện tại, gia đình ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D chưa nhận được quyết định tái định cư cho gia đình ông P, bà D là chưa thực hiện đúng về trình tự thủ tục ban hành theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013.

Việc bồi thường giá trị đất cho ông P bà D căn cứ vào Quyết định ban hành năm 2020, nhưng quyết định thu hồi đất vào năm 2021 là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai 2013, giá bồi thường đất cho ông P bà D là quá thấp so với mức giá thị trường.

Xác định loại nhà chưa đúng, đơn giá bồi thường không thỏa đáng: Căn cứ theo bảng chiết tính giá trị bồi thường ngày 09/11/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất, việc bồi thường nhà ở của ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D chia ra nhiều hạng khác nhau nhưng căn cứ (PHỤ LỤC 1-d) Ban hành kèm Quyết định số 09/2019 của UBND tỉnh Đ thì nhà của ông P bà D có đủ điều kiện để được xét nhà C4H1. Giá bồi thường nhà, vật kiến trúc theo quyết định bồi thường, hỗ trợ vi phạm quy định tại Điều 89 Luật đất đai 2013.

Tại Quyết định bồi thường, hỗ trợ không hỗ trợ, ông P bà D không được hỗ trợ tiền thuê nhà ở. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 28 Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, gia đình ông P bà D phải được hỗ trợ tiền thuê nhà ở. Gia đình ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D thuộc diện bị thu hồi giải tỏa trắng toàn bộ diện tích đất ở (141,8 m^2), bắt buộc phải di chuyển chỗ ở, và cũng không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn phường B. Trên diện tích đất bị thu hồi, ngoài ông P, bà D còn có gia đình của vợ chồng con gái Cổ Kim H và Nguyễn Đình N1 cùng 02 con nhỏ đang cùng sinh sống. Con gái Cổ Kim H và Nguyễn Đình N1 kết hôn ngày 26/10/2020 trước thời điểm thông báo thu hồi đất. Căn cứ Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia

đình riêng trong gia đình ông P bà D căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho hộ gia đình con gái Cổ Kim H và Nguyễn Đình N1 là không đúng quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Thống nhất với lời trình bày của người bị kiện.

Căn cứ khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố B được UBND tỉnh Đ phê duyệt tại Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, dự án xây dựng Công viên và Kè sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) và dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 (số thứ tự 364 và 368 trong bảng tổng hợp kèm theo Quyết định); Căn cứ Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đ quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất tại thửa đất số 6 tờ bản đồ số 2 phường B như nêu trên, thì việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 776/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông (bà) Cổ Tấn P – Lưu Thị Thùy D và Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Cổ Tấn P, Lưu Thị Thùy D thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) là đảm bảo đúng đối tượng, loại đất và đúng trình tự thực hiện theo Quyết định nêu trên. Do đó, ông (bà) Cổ Tấn P, Lưu Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định này là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2023/HC-ST ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 168; Điều 193, Điều 194 của Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 66, 67, 69 Luật đất đai năm 2013; Điều 19, 20, 21 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 14, 15 của Quyết định 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/2/2018 của UBND tỉnh Đ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019 quy định về trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất; Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 sửa đổi một số phụ lục Đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng và Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 quy định về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi thu hồi đất của UBND tỉnh Đ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông (bà) Cổ Tấn P - Lưu Thị Thùy D về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính của U gồm:

- Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 về việc thu hồi đất của ông (bà) Cổ Tấn P - Lưu Thị Thùy D để thực hiện hiện dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V);

- Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Cổ Tấn P – Lưu Thị Thùy D thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, người khởi kiện ông Cổ Tấn P và bà Lưu Thị Thùy D kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Kiều Thành T là người đại diện hợp pháp của ông Cổ Tấn P và bà Lưu Thị Thùy D không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện. Ông T thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể không yêu cầu huỷ Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 và Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND thành phố B (sau đây viết tắt là Quyết định số 776 và Quyết định số 775); chỉ yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc UBND thành phố B cấp cho bà Cổ Kim H và ông Nguyễn Đình N1 01 nền nhà tái định cư theo Văn bản số 11411/UBND-TCD ngày 12/8/2022 của UBND thành phố B. Ông T cho rằng trước khi lập gia đình bà H được ông P, bà D tặng cho một phần đất của căn nhà nằm trong diện tích 141,8m^2, bà H đã kết hôn với ông N1 ngày 26/10/2020, có đủ kiện tách hộ nhưng chưa tách hộ thì bị thu hồi, do đó bà H và ông N1 đủ điều kiện để được cấp 01 nền nhà tái định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP và khoản 8 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh Đ và khoản 2 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật: Xét thấy Thẩm phán chủ toạ phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 từ giai đoạn thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm.

- Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông P, bà D làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Quyết định số 775 và Quyết định số 776 được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Bà H và ông N1 không đủ điều kiện để được cấp 01 nền nhà tái định cư. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông P, bà D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông P, bà D làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 776 và Quyết định số 775 của UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai được ban hành cùng ngày 07/5/2021, có nội dung thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ đối với ông P, bà D. Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Ông P, bà D khởi kiện yêu cầu huỷ các quyết định nêu trên vào ngày 17/8/2022. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý, xét xử vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông P, bà D, nhận thấy:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T là người đại diện hợp pháp của ông P và bà D thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể không yêu cầu huỷ Quyết định số 776 và Quyết định số 775. Điều này đồng nghĩa với việc ông T rút kháng cáo đối với yêu cầu huỷ hai quyết định nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 3 Điều 229 Luật Tố tụng hành chính.

[3.2] Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu UBND thành phố B cấp cho bà H, ông N1 01 nền nhà tái định cư và xét Văn bản số 11411/UBND-TCD ngày 12/8/2022 của UBND thành phố B, nhận thấy:

[3.2.1] Mặc dù trong đơn khởi kiện ban đầu, ông P bà bà D không yêu cầu huỷ Văn bản số 11411, nhưng xét thấy văn bản này có liên quan đến các quyết định hành chính bị khởi kiện nên Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét văn bản này là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Tố tụng hành chính.

[3.2.2] Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định *"Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình".* Đây là điều khoản tuỳ nghi, không phải là điều khoản

bắt buộc. Do đó, việc cấp nền nhà tái định cư cho các đối tượng này phải được căn cứ vào các điều kiện thực tế tại mỗi địa phương.

[3.2.3] Tại khoản 6 Điều 5 Quy định về tiêu chuẩn và trình tự thủ tục giải quyết tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ) quy định: "*Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ (nhiều cặp vợ chồng) cùng chung sống, đủ điều kiện tách hộ, có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở bị thu hồi phải di chuyển chỗ ở đủ điều kiện bố trí tái định cư hộ chính theo quy định tại Điều 4 thì ngoài việc được xét bố trí tái định cư hộ chính thì mỗi cặp vợ chồng còn lại được xét giao một (01) suất tái định cư hộ phụ* ***nếu có đăng ký kết hôn trước khi có thông báo thu hồi đất*** *và một trong hai người (vợ hoặc chồng) có tên trong sổ hộ khẩu thường trú tại địa chỉ của căn nhà có thửa đất thu hồi, không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi...* ". Thông báo thu hồi đất số 757/TB-UBND ban hành ngày 28/3/2020, bà H và ông N1 kết hôn ngày 26/10/2020 là sau thời điểm thông báo thu hồi đất. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của ông T.

[4] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của ông P, bà D là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông P, bà D mỗi người phải nộp 300.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 241, khoản 3 Điều 229 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 5 Quy định về tiêu chuẩn và trình tự thủ tục giải quyết tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ);

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Cổ Tấn P và bà Lưu Thị Thùy D về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 về việc thu hồi đất của ông (bà) Cổ Tấn P - Lưu Thị Thùy D để thực hiện hiện dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H

đến giáp ranh huyện V); Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Cổ Tấn P - Lưu Thị Thùy D thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

[2] Không chấp nhận kháng cáo của ông Cổ Tấn P và bà Lưu Thị Thùy D về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho bà Cổ Kim H và ông Nguyễn Đình N1 01 nền nhà tái định cư theo Văn bản số 11411/UBND-TCD ngày 12/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Cổ Tấn P, bà Lưu Thị Thùy D mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Được trừ vào 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 219, 220 cùng ngày 20/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông P, bà D đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa